

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Q
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **06/2023/KDTM- ST**

Ngày 29 tháng 5 năm 2023

V/v “*T/c hợp đồng tín dụng*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Ngọc Long**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Văn Viên**

2. Bà **Nguyễn Thị Hoa**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu** – Thẩm tra viên chính.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q tham gia phiên tòa:

Bà **Nguyễn Thị Cúc** – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2023/TLST-KDTM ngày 10 tháng 01 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng tín dụng, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2023/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 4 năm 2023; quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-HPT ngày 11 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng T**; Địa chỉ: Số 89 Láng Hạ, phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí Dũng - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn Anh – Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm Xử lý nợ Pháp lý, theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07/07/2020 của VPBank. Người đại diện theo ủy quyền lại: ông Lê Đức Lâm, bà Trần Thị Thơm, bà Phạm Thị Huế và ông Phan Lạc Mạnh Quyền theo Văn bản ủy quyền số 19/2023/UQ-VP BANK ngày 19/5/2023 của VPBank.

* Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H**; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0105525205 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/9/2011. Địa chỉ: thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Người đại diện: Bà **Dương Cúc U** - Chức vụ: Giám đốc;

* Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:

- Anh Nguyễn Tiến Hải, sinh năm 1994; ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1972, bà Lương Thị H, sinh năm 1976, chị Nguyễn Trung A, sinh năm 1995; anh Nguyễn Thanh D, sinh năm 1999; cháu Nguyễn Minh Đ, sinh năm 2020; Đăng ký hộ khẩu thường trú tại: xóm 2, xã Thạch Thán, huyện Q, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật của cháu Đức là anh Hải, chị Trung Anh (bố đẻ, mẹ đẻ).

- Bà **Dương Cúc U**; ông **Nguyễn Đình T**, sinh năm 1965; Anh **Nguyễn Đình H**, sinh năm 1992; Chị **Nguyễn Thị Lan A**, sinh năm 1999; cháu Nguyễn Hoàng Anh B, sinh năm 2019; cháu Nguyễn Đình Quang K, sinh năm 2022; anh Nguyễn Đình H, sinh năm 1997; chị Hoàng Thị Thuỳ L, sinh năm 1998; Cùng đăng ký hộ khẩu tại: xóm 9, thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật của cháu B và cháu K là anh H, chị Lan A (bố đẻ, mẹ đẻ).

- Bà Nguyễn Thị Thái, sinh năm 1935; bà Nguyễn Thị P sinh năm 1961; Đều trú tại: xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội;

- Cụ Nguyễn Thị T, sinh năm 1944; anh Nguyễn Minh H, sinh năm 1974, chị Dương Thuý A, sinh năm 1978; cháu Hoàng Hương G, sinh năm 2008 và cháu Hoàng Thái S, sinh năm 2008; đều đăng ký hộ khẩu: thôn 4, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật của cháu Giang, cháu Sơn là anh H, chị Thuý Anh.

- Ông **Nguyễn Duy Q**, sinh năm 1960; Địa chỉ: Số nhà 35C ngõ 259, phường Vĩnh Hưng, quận Hoàng Mai, thành phố Hà Nội; ĐT: 0912.717.903;

Tại phiên toà có mặt đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn bà Huế và ông Quyền; đại diện bị đơn bà U; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Quang, ông Trọng. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án còn lại đều vắng mặt liên tiếp lần 2 tại phiên tòa không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22 tháng 12 năm 2022 của nguyên đơn, cũng như bản tự khai và các biên bản hòa giải, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phan Lạc Mạnh Quyền và bà Phạm Thị Huế trình bày:

Công ty TNHH H (sau đây gọi tắt là Công ty H) (mã số doanh nghiệp 0105525205 do Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà nội cấp lần đầu ngày 26/9/2011) có trụ sở tại thôn 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội vay vốn của Ngân hàng T (sau đây gọi tắt là VPBank) – Chi nhánh Hà Nội theo các Hợp đồng tín dụng và Khế ước nhận nợ cụ thể như sau:

1. Hợp đồng cho vay số **280322-3244924-01-SME** ngày 29/03/2022 và các Khế ước nhận nợ kèm theo: Giá trị cho vay: 500.000.000 đồng; Thời hạn

duy trì hạn mức: 06 tháng, tính từ ngày tiếp theo của ngày Bên Ngân hàng giải ngân vốn vay đầu tiên cho Khách hàng; Các kỳ hạn trả nợ: quy định tại (các) Khế ước nhận nợ; Mục đích sử dụng vốn: Thanh toán tiền mua vật liệu xây dựng theo Hợp đồng số 15/HĐMB-2022 cho Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bê Tông Hòa Bình; Lãi suất trong hạn: được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản có liên quan; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất nợ trong hạn; Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả;

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, VPBank đã giải ngân số tiền 500.000.000 đồng cho Công ty H theo các Khế ước nhận nợ sau:

* Khế ước nhận nợ số: 300322-3244924-01-SME ngày 30/03/2022: Số tiền vay: 125.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 30/03/2022 đến ngày 30/09/2022; Lãi suất trong hạn: 11.3%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 30/4/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.5%/năm;

Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05 tháng 5 năm 2022.

* Khế ước nhận nợ số: 310322-3244924-01-SME ngày 31/3/2022: Số tiền vay: 375.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 31/03/2022 đến ngày 30/09/2022; Lãi suất trong hạn: 11.3%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 30/04/2022. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4.5%/năm;

Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/05/2022.

2. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số **310820-3244924-01-SME** ngày 15/09/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo: Giá trị cấp hạn mức tín dụng: 9.200.000.000 đồng; Hạn mức cho vay là: 7.000.000.000 đồng; Hạn mức cấp bảo lãnh là: 2.200.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày 15/09/2020; Các kỳ hạn trả nợ: quy định tại (các) Khế ước nhận nợ; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động thương mại vật liệu xây dựng (đất,

đá, cát); Lãi suất trong hạn: được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản có liên quan; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất nợ trong hạn; Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả;

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, VPBank đã giải ngân số tiền 6.061.433.000 đồng cho Công ty H theo các Khế ước nhận nợ sau:

* Khế ước nhận nợ số: 090421-3244924-01-SME ngày 09/4/2021: Số tiền vay: 1.188.044.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 09/4/2021 đến ngày 09/10/2021; Lãi suất trong hạn: 9.7%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 09/5/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.3%/năm; Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/5/2021;

* Khế ước nhận nợ số: 010621-3244924-01-SME ngày 01/6/2021: Số tiền vay: 1.213.069.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 01/6/2021 đến ngày 01/12/2021; Lãi suất trong hạn: 9.7%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 01/7/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.3%/năm; Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/7/2021;

* Khế ước nhận nợ số: 130721-3244924-01-SME ngày 13/7/2021: Số tiền vay: 785.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 13/7/2021 đến ngày 13/01/2022; Lãi suất trong hạn: 9.7%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 13/08/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.3%/năm; Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/8/2021;

* Khế ước nhận nợ số: 150721-3244924-01-SME ngày 15/7/2021: Số tiền vay: 827.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 15/7/2021 đến ngày

15/01/2022; Lãi suất trong hạn: 9.7%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/8/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.3%/năm; Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/8/2021;

* Khế ước nhận nợ số: 160721-3244924-01-SME ngày 16/7/2021: Số tiền vay: 805.000.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 16/7/2021 đến ngày 16/01/2022; Lãi suất trong hạn: 9.7%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 16/8/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.3%/năm; Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/8/2021;

* Khế ước nhận nợ số: 200721-3244924-01-SME ngày 20/7/2021: Số tiền vay: 623.280.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 20/7/2021 đến ngày 20/01/2022; Lãi suất trong hạn: 9.7%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 20/8/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.3%/năm; Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/8/2021;

* Khế ước nhận nợ số: 210721-3244924-01-SME ngày 21/7/2021: Số tiền vay: 620.040.000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 21/7/2021 đến ngày 21/01/2022; Lãi suất trong hạn: 9.7%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 21/8/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3.3%/năm; Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/8/2021;

3. Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số **301020-3244924-01-SME** ngày 03/11/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và Khế ước nhận

nợ kèm theo: Giá trị cấp hạn mức tín dụng: 3.000.000.000 đồng; Hạn mức cho vay là: 3.000.000.000 đồng; Thời hạn duy trì hạn mức: 12 tháng, tính từ ngày 03/11/2020; Các kỳ hạn trả nợ: quy định tại (các) Khế ước nhận nợ; Mục đích cấp tín dụng: Bổ sung vốn lưu động, phát hành bảo lãnh phục vụ hoạt động thương mại vật liệu xây dựng (đất, đá, cát, sỏi); Lãi suất trong hạn: được quy định cụ thể trong (các) Khế ước nhận nợ và/hoặc các văn bản có liên quan; Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% lãi suất nợ trong hạn; Lãi suất chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng thời gian chậm trả;

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, VPBank đã giải ngân số tiền 3.000.000.000 đồng cho Công ty H theo các Khế ước nhận nợ sau:

* Khế ước nhận nợ số: 070421-3244924-01-SME ngày 07/4/2021: Số tiền vay: 3,000,000,000 đồng; Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 07/4/2021 đến ngày 07/10/2021; Lãi suất trong hạn: 15%/năm, điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần, Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 07/5/2021. Mức điều chỉnh lãi suất được xác định bằng lãi suất bán vốn của Bên ngân hàng do Hội sở chính của Bên ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là 6M và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8.6%/năm; Thời hạn trả nợ: Trả nợ gốc: Công ty H phải trả nợ gốc cho VPBank một lần khi kết thúc thời hạn vay; Trả nợ lãi: Công ty H phải trả tiền lãi cho VPBank theo định kỳ 01 tháng/lần, vào ngày 05. Kỳ trả nợ lãi đầu tiên vào ngày 05/5/2021;

4. Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15 tháng 6 năm 2018: Hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 100.000.000 đồng; Thời hạn hạn mức tín dụng Thẻ đề nghị: 60 tháng, tính từ ngày 15/06/2018; Lãi suất: Theo quy định VPBank từng thời kỳ;

Tài sản bảo đảm cho khoản vay nêu trên bao gồm:

- **Tài sản 1:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 2, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **P739009**, sổ vào sổ cấp GCN: 0021 QSDĐ/H, số HS do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình Thao, thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3500/2016, quyển số 04 - 2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 kèm theo thỏa thuận ngày 23/11/2016.

- **Tài sản 2:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, xóm 2, xã Thạch Thán, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CX 953622**, sổ vào sổ cấp GCN: CS-QO 08737 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/09/2020 đứng tên anh Nguyễn Tiến Hải, thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ

của người khác số công chứng 3764/2020, quyền số 04 - 2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2020, kèm theo thỏa thuận ngày 03/10/2020.

- **Tài sản 3:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC 603823**, số vào sổ cấp GCN: CH 723 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2010 đứng tên bà Nguyễn Thị Thảo thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3499/2016, quyền số 04 - 2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 kèm theo thỏa thuận ngày 23/11/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 27/05/2019.

- **Tài sản 4:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CI 795881**, số vào sổ cấp GCN: CH 01324 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 14/5/2017 đứng tên bà Dương Cúc U thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 5314/2020, quyền số 04 - 2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2020 kèm theo Thỏa thuận ngày 30/12/2020.

- **Tài sản 5:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P739177, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0163 QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Phúc. Ngày 14/01/2011, hộ ông Nguyễn Duy Phúc tặng cho toàn bộ thửa đất số 40, diện tích 139 m² thuộc tờ bản đồ số 05 tại xã P cho con trai là Nguyễn Duy Quang thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 577/2019, quyền số 01 - 2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/02/2019 kèm theo thỏa thuận ngày 20/02/2019.

- **Tài sản 6:** 01 ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu HOKA, số khung LZZAEXSD0EC154835, số máy WD615.49*111217038117*, Biển kiểm soát 29H-173.53 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 536535 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2019 mang tên Công ty TNHH H. Ngày 30/12/2020, Công ty TNHH H và VPBank ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 261220-3244924-02-SME/TC.

Biện pháp bảo đảm khác: Ngoài các tài sản bảo đảm nêu trên, khoản vay của Công ty H tại VPBank còn được bảo đảm bằng biện pháp bảo lãnh cá nhân của

bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HAB và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-HAB ngày 19/04/2018. Theo đó, bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho Công ty H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty H đối với VPBank phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo ký giữa Công ty H và VPBank.

Quá trình thực hiện Hợp đồng: Thực hiện Hợp đồng tín dụng và các khế ước nhận nợ nêu trên, ngày 06 tháng 6 năm 2022, Công ty H vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên các khoản nợ bị chuyển nợ quá hạn.

Số tiền Công ty H đã thanh toán cho VPBank theo Hợp đồng tín dụng nêu trên tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2023 như sau: Nợ gốc: 2.045.165.783 đồng, nợ lãi: 1.111.394.886 đồng, tổng cộng: 3.156.560.669 đồng.

Tạm tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2023, Công ty H còn nợ VPBank số tiền cụ thể như sau: nợ gốc 7.616.132.037 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.740.905.373 đồng; Nợ lãi chậm trả: 90.539.813 đồng; Tổng nợ: 9.447.577.223 đồng.

Trên cơ sở những nội dung đã trình bày trên, VPBank đề nghị Toà án nhân dân huyện Q giải quyết tranh chấp như sau:

1. Yêu cầu Tòa án buộc Công ty TNHH H phải thanh toán cho VPBank toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các khoản phát sinh liên quan theo Hợp đồng tín dụng nêu trên; tạm tính đến ngày 29/5/2023, khoản tiền này là: Số nợ gốc: 7.616.132.037 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.740.905.373 đồng; Nợ lãi chậm trả: 90.539.813 đồng; Tổng nợ: 9.447.577.223 đồng.

2. Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi và lãi suất chậm trả đối với bị đơn Công ty H theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty H thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

3. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: Trong trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho VPBank, cụ thể như sau:

- **Tài sản 1:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 2, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số P739009, sổ vào sổ cấp GCN: 0021 QSDĐ/H, số HS do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình Thao thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3500/2016, quyền số

04 - 2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016;

- **Tài sản 2:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, xóm 2, xã Thạch Thán, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 953622, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 08737 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/09/2020 đứng tên anh Nguyễn Tiến Hải thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3764/2020, quyền số 04 - 2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2020;

- **Tài sản 3:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 603823, số vào sổ cấp GCN: CH 723 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2010 đứng tên bà Nguyễn Thị Thảo thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3499/2016, quyền số 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 27/05/2019;

- **Tài sản 4:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 795881, số vào sổ cấp GCN: CH 01324 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 14/5/2017 đứng tên bà Dương Cúc U thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5314/2020, quyền số 04 - 2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2020;

- **Tài sản 5:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P739177, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0163 QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Phúc, ngày 14/01/2011, hộ ông Nguyễn Duy Phúc tặng cho toàn bộ thửa đất số 40, diện tích 139 m² thuộc tờ bản đồ số 05 tại xã P cho con trai là Nguyễn Duy Quang thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 577/2019, quyền số 01 - 2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/02/2019;

4. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án có nội dung buộc bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty H theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HAB và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-HAB ngày 19/04/2018 đã ký giữa VPBank với bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty H đối với VPBank phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng liên quan nêu trên.

Đồng thời VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm

quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty H, bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải để trả nợ cho VPBank theo các Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng khác đã ký giữa VPBank với Công ty H, bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải.

Đối với tài sản thế chấp là: 01 ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu HOKA, số khung LZZAEXSD0EC154835, số máy WD615.49*111217038117*, Biển kiểm soát 29H-173.53 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 536535 do Phòng Cảnh sát giao thông-Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2019 mang tên Công ty H. Ngày 30/12/2020, Công ty H và VPBank ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 261220-3244924-02-SME/TC. Ngày 04/4/2023, Công ty H đã trả nợ cho Ngân hàng và đã được Ngân hàng thực hiện giải chấp.

Về án phí: Công ty H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

*** Bị đơn là Công ty H** do bà Dương Cúc U đại diện theo pháp luật trình bày: Tôi đã nhận được thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên hòa giải và quyết định xem xét thẩm định, yêu cầu cung cấp chứng cứ của tòa án. Trong vụ án này những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều là người thân trong gia đình tôi đã ký vào hợp đồng thế chấp tài sản để Công ty tôi vay vốn hoạt động, nay vì tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn. Vì vậy tôi đề nghị Tòa án tiến hành hòa giải với nguyên đơn cho chúng tôi được thỏa thuận xin được trả gốc và một phần lãi.

Tôi xác nhận có ký vay vốn của VPBank, theo Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/06/2018, Hợp đồng cho vay số 280322-3244924-01-SME ngày 29/03/2022, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 310820-3244924-01-SME ngày 15/09/2020, Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 311020-3244924-01-SME ngày 03/11/2022, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo.

Để đảm bảo cho khoản vay Công ty đã thế chấp các tài sản sau:

- **Tài sản 1:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 2, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **P739009**, số vào sổ cấp GCN: 0021 QSDĐ/H, số HS do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình Thao;

- **Tài sản 2:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, xóm 2, xã Thạch Thán, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CX 953622**, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 08737 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/09/2020 đứng tên anh Nguyễn Tiến Hải;

- **Tài sản 3:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC 603823**, số vào sổ cấp GCN: CH 723 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2010 đứng tên bà Nguyễn Thị Thảo;

- **Tài sản 4:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CI 795881**, số vào sổ cấp GCN: CH 01324 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 14/5/2017 đứng tên bà Dương Cúc U;

- **Tài sản 5:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P739177, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0163 QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Phúc. Ngày 14/01/2011, hộ ông Nguyễn Duy Phúc tặng cho toàn bộ thửa đất số 40, diện tích 139 m² thuộc tờ bản đồ số 05 tại xã P cho con trai là Nguyễn Duy Quang;

- **Tài sản 6:** 01 ô tô tải tự đồ, nhãn hiệu HOKA, số khung LZZAEXSD0EC154835, số máy WD615.49*111217038117*, Biển kiểm soát 29H-173.53 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 536535 do Phòng Cảnh sát giao thông-Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2019 mang tên Công ty H. (Ngân hàng và đã giải chấp).

- Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HAB và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-HAB ngày 19/04/2018;

Tôi xác nhận tính đến ngày 29/5/2023 khoản nợ của Công ty H là: Nợ gốc: 7.616.132.037 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.740.905.373 đồng; Nợ lãi chậm trả: 90.539.813 đồng; Tổng nợ: 9.447.577.223 đồng.

Trong trường hợp Công ty tôi không trả được nợ, tôi đề nghị Tòa án căn cứ các quy định pháp luật để giải quyết vụ án.

*** Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án** ông Nguyễn Duy Quang trình bày: Tôi có cho Công ty H mượn sổ đỏ là: “Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P739177, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0163 QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Phúc. Ngày 14/01/2011, hộ ông Nguyễn Duy Phúc tặng cho toàn bộ thửa đất số 40, diện tích 139 m² thuộc tờ bản đồ số 05 tại xã P cho con trai là Nguyễn Duy Quang” để vay vốn, nay Công ty H làm ăn khó khăn nên đề nghị Tòa án và Ngân hàng xem xét tạo điều kiện cho Công ty H trả nợ dần, miễn lãi và đề nghị bà U sớm trả nợ cho Ngân hàng rồi rút sổ về và trả sổ đỏ cho gia đình tôi;

- **Người có quyền, nghĩa vụ liên quan trong vụ án:** ông Nguyễn Văn Trọng, bà Lương Thị Hà, anh Nguyễn Tiến Hải, chị Nguyễn Trung Anh, ông Nguyễn Đình Thao, anh Nguyễn Đình Huy, chị Nguyễn Thị Lan Anh, anh Nguyễn Đình Hoàng, chị Hoàng Thị Thuỳ Linh, anh Nguyễn Minh Hải, chị Dương Thuý Anh, cụ Nguyễn Thị Thảo, bà Nguyễn Thị Thái, bà Nguyễn Thị Phê đã được Tòa án triệu tập nhiều lần, được giao nhận các văn bản tố tụng hợp lệ, thông báo tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải tại Tòa nhưng đều vắng mặt không lý do và không trình bày quan điểm giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa, Đại diện VPBank vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và xin rút yêu cầu đối với việc xử lý tài sản bảo đảm đối với tài sản đảm bảo là: 01 ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu HOKA, số khung LZZAEXSD0EC154835, số máy WD615.49*111217038117*, Biển kiểm soát 29H-173.53 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 536535 do Phòng Cảnh sát giao thông-Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2019 mang tên Công ty TNHH H. Sau khi rút yêu cầu này, số tiền Công ty H còn phải thanh toán cho VPBank số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 nợ gốc 7.616.132.037 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.740.905.373 đồng; Nợ lãi chậm trả: 90.539.813 đồng; Tổng nợ: 9.447.577.223 đồng.

Đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi và lãi chậm trả đối với bị đơn Công ty H theo đúng thỏa thuận trong các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty H thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank.

Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án nội dung: Trong trường hợp Công ty H không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho VPBank, VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự kê biên, phát mại các tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho VPBank, cụ thể như sau:

- **Tài sản 1:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 2, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **P739009**, số vào sổ cấp GCN: 0021 QSDĐ/H, số HS do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình Thao;

- **Tài sản 2:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, xóm 2, xã Thạch Thán, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CX 953622**, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 08737 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/09/2020 đứng tên anh Nguyễn Tiến Hải;

- **Tài sản 3:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC 603823**, số vào sổ cấp GCN: CH 723 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2010 đứng tên bà Nguyễn Thị Thảo;

- **Tài sản 4:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CI 795881**, số vào sổ cấp GCN: CH 01324 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 14/5/2017 đứng tên bà Dương Cúc U;

- **Tài sản 5:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P739177, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0163 QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Phúc. Ngày 14/01/2011, hộ ông Nguyễn Duy Phúc tặng cho toàn bộ thửa đất số 40, diện tích 139 m² thuộc tờ bản đồ số 05 tại xã P cho con trai là Nguyễn Duy Quang;

5. Yêu cầu Tòa án tuyên trong bản án có nội dung buộc bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty TNHH H theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HAB và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-HAB ngày 19/04/2018 đã ký giữa VPBank với bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty H đối với VPBank phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng liên quan nêu trên.

Đồng thời VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty H, bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải để trả nợ cho VPBank theo các Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng khác đã ký giữa VPBank với Công ty H, bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải.

Trong quá trình thụ lý và giải quyết Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ và niêm yết các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải của đương sự; Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ; Quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Do các đương sự không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án, vì vậy Tòa án không hòa giải được cho các đương sự.

*** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm:**

+ Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tiến hành tố tụng theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự trong việc nộp đơn khởi kiện, cung cấp tài liệu chứng cứ, nộp tạm ứng án phí và trình bày yêu cầu của mình. Chấp hành đúng nội quy phiên tòa theo Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình được quy định tại các Điều 70, Điều 72; Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày 11 tháng 5 năm 2023 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt lần thứ nhất, Tòa án đã hoãn phiên tòa. Phiên tòa được mở lại vào ngày ngày 29 tháng 5 năm 2023 theo đúng quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Về nội dung: Sau khi phân tích nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ Điều 91, 95, 98 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; khoản 5 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015; điểm c khoản 1 Điều 10 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Buộc Công ty H phải thanh toán cho VPBank tổng số tiền tạm tính đến ngày 29/5/2023 cụ thể: Số nợ gốc: 7.616.132.037 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.740.905.373 đồng; Nợ lãi chậm trả: 90.539.813 đồng; Tổng nợ: 9.447.577.223 đồng. Buộc công ty H phải tiếp tục trả lãi cho VPBank kể từ ngày 30/5/2023 (Lãi được thỏa thuận theo các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng và các Khế ước nhận nợ nêu trên cho đến ngày Công ty H thực tế thanh toán hết nợ cho VPBank).

Ngày 06 tháng 4 năm 2023, VPBank có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: 01 ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu HOKA, số khung LZZAEXSD0EC154835, số máy WD615.49*111217038117*, Biển kiểm soát 29H-173.53 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 536535 do Phòng Cảnh sát giao thông-Công an TP Hà Nội cấp ngày 21/01/2019 mang tên Công ty H. Ngày 30/12/2020, Công ty H và VPBank ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 261220-3244924-02-SME/TC. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện không trái pháp luật nên được chấp nhận.

Đối với các Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3500/2016, quyền số 04 - 2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 kèm theo Thỏa thuận ngày 23/11/2016; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3764/2020, quyền số 04-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2020, kèm theo Thỏa thuận ngày 03/10/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3499/2016, quyền số 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 kèm theo Thỏa thuận ngày 23/11/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 27/05/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 5314/2020, quyền số 04-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2020 kèm theo Thỏa thuận ngày 30/12/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 577/2019, quyền số 01-2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/02/2019 kèm theo Thỏa thuận ngày

20/02/2019; Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HAB và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-HAB ngày 19/04/2018; các hợp đồng thế chấp, Hợp đồng bảo lãnh và thỏa thuận trên được ký giữa Bên vay, Ngân hàng và Bên thứ ba là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật nên cần được chấp nhận.

Trường hợp bị đơn không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho nguyên đơn thì nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp là:

- **Tài sản 1:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 2, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **P739009**, số vào sổ cấp GCN: 0021 QSDĐ/H, số HS do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình Thao;

- **Tài sản 2:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, xóm 2, xã Thạch Thán, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CX 953622**, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 08737 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/09/2020 đứng tên anh Nguyễn Tiến Hải;

- **Tài sản 3:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **BC 603823**, số vào sổ cấp GCN: CH 723 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2010 đứng tên bà Nguyễn Thị Thảo;

- **Tài sản 4:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số **CI 795881**, số vào sổ cấp GCN: CH 01324 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 14/5/2017 đứng tên bà Dương Cúc U;

- **Tài sản 5:** Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P739177, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0163 QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Phúc. Ngày 14/01/2011, hộ ông Nguyễn Duy Phúc tặng cho toàn bộ thửa đất số 40, diện tích 139 m² thuộc tờ bản đồ số 05 tại xã P cho con trai là Nguyễn Duy Quang;

- Buộc bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty H theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HAB và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-HAB ngày 19/04/2018 đã ký giữa VPBank với bà U và anh Hải.

Đồng thời VPBank có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty H, bà U và anh Hải để trả nợ cho VPBank.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí; Bị đơn phải chịu án phí dân sự có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo: Hợp đồng cho vay số 280322-3244924-01-SME ngày 29/03/2022 và các Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 300322-3244924-01-SME ngày 30/03/2022 và khế ước nhận nợ số: 310322-3244924-01-SME ngày 31/03/2022;

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 310820-3244924-01-SME ngày 15/09/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 090421-3244924-01-SME ngày 09/04/2021, Khế ước nhận nợ số: 010621-3244924-01-SME ngày 01/06/2021; khế ước nhận nợ số: 130721-3244924-01-SME ngày 13/07/2021; khế ước nhận nợ số: 150721-3244924-01-SME ngày 15/07/2021; khế ước nhận nợ số: 160721-3244924-01-SME ngày 16/07/2021; khế ước nhận nợ số: 200721-3244924-01-SME ngày 20/07/2021 và khế ước nhận nợ số: 210721-3244924-01-SME ngày 21/07/2021.

Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 301020-3244924-01-SME ngày 03/11/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 070421-3244924-01-SME ngày 07/04/2021;

Giấy đề nghị kèm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/06/2018;

Các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ nêu trên đều được ký giữa VPBank với Công ty H, mục đích vay: Bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Do vậy, xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Công ty H có địa chỉ đăng ký kinh doanh tại xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội. Do Công ty H không thanh toán được khoản nợ cho VPBank khi đến hạn trả nợ. Do vậy, VPBank đã khởi kiện Công ty H đến Tòa án nhân dân huyện Q, đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải thanh toán trả VPBank toàn bộ khoản nợ gốc và lãi phát sinh. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Q thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không có căn cứ để xem xét.

[2] Trong vụ án này: Hợp đồng cho vay; Hợp đồng tín dụng; Hợp đồng thế chấp; và các Khế ước nhận nợ kèm theo; các giao dịch dân sự giữa các đương sự được thực hiện khi Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực, vì vậy vụ án được áp dụng các quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Về nội dung: Căn cứ Hợp đồng cho vay số 280322-3244924-01-SME ngày 29/03/2022 và các Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 300322-3244924-01-SME ngày 30/03/2022 và khế ước nhận nợ số: 310322-3244924-01-SME ngày 31/03/2022; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 310820-3244924-01-SME ngày 15/09/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 090421-3244924-01-SME ngày 09/04/2021, Khế ước nhận nợ số: 010621-3244924-01-SME ngày 01/06/2021; khế ước nhận nợ số: 130721-3244924-01-SME ngày 13/07/2021; khế ước nhận nợ số: 150721-3244924-01-SME ngày 15/07/2021; khế ước nhận nợ số: 160721-3244924-01-SME ngày 16/07/2021; khế ước nhận nợ số: 200721-3244924-01-SME ngày 20/07/2021, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và khế ước nhận nợ số: 210721-3244924-01-SME ngày 21/07/2021; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 301020-3244924-01-SME ngày 03/11/2020 và Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 070421-3244924-01-SME ngày 07/04/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/06/2018; Các hợp đồng tín dụng, Phụ lục hợp đồng và khế ước nhận nợ kèm theo nêu trên được ký giữa VPBank với Công ty H; Các hợp đồng thế chấp được ký giữa VPBank với bên thứ ba là: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3500/2016, quyền số 04 - 2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 kèm theo Thỏa thuận ngày 23/11/2016. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3764/2020, quyền số 04 - 2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2020, kèm theo Thỏa thuận ngày 03/10/2020. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3499/2016, quyền số 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 kèm theo Thỏa thuận ngày 23/11/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 27/05/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 5314/2020, quyền số 04 - 2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2020 kèm theo Thỏa thuận ngày 30/12/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa

vụ của người khác số công chứng 577/2019, quyền số 01-2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/02/2019 kèm theo Thỏa thuận ngày 20/02/2019. Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, Công ty H đã trả cho VPBank số tiền: Nợ gốc là 2.045.165.783 đồng, nợ lãi là 1.111.394.886 đồng, tổng cộng: 3.156.560.669 đồng. Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ từ ngày 06/6/2022. Vì vậy, VPBank đã chuyển toàn bộ khoản vay của Công ty H sang nợ quá hạn theo quy định.

Ngày 06/4/2023, VP Bank có đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: 01 ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu HOKA, số khung LZZAEXSD0EC154835, số máy WD615.49*111217038117*, Biển kiểm soát 29H-173.53 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 536535 do Phòng Cảnh sát giao thông – Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2019 mang tên Công ty H. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng VPBank là tự nguyện không trái quy định pháp luật. Vì vậy, Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần yêu cầu khởi kiện này.

Tại phiên tòa hôn nay, VPBank xác nhận Công ty H còn nợ VPBank số tiền tạm tính đến ngày 29/05/2023. Nợ gốc: 7.616.132.037 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.740.905.373 đồng; Nợ lãi chậm trả: 90.539.813 đồng; Tổng nợ: 9.447.577.223 đồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Các hợp đồng cho vay số 280322-3244924-01-SME ngày 29/03/2022 và các Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 300322-3244924-01-SME ngày 30/03/2022 và khế ước nhận nợ số: 310322-3244924-01-SME ngày 31/03/2022; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 310820-3244924-01-SME ngày 15/09/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 090421-3244924-01-SME ngày 09/04/2021, Khế ước nhận nợ số: 010621-3244924-01-SME ngày 01/06/2021; khế ước nhận nợ số: 130721-3244924-01-SME ngày 13/07/2021; khế ước nhận nợ số: 150721-3244924-01-SME ngày 15/07/2021; khế ước nhận nợ số: 160721-3244924-01-SME ngày 16/07/2021; khế ước nhận nợ số: 200721-3244924-01-SME ngày 20/07/2021 và khế ước nhận nợ số: 210721-3244924-01-SME ngày 21/07/2021; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 301020-3244924-01-SME ngày 03/11/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 070421-3244924-01-SME ngày 07/04/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/06/2018 nêu trên được các bên ký kết có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của pháp luật. Trong hợp đồng này, các bên tự nguyện giao kết thực hiện hợp đồng và cam kết chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung hợp đồng, tại thời điểm ký hợp đồng các bên

đều có đầy đủ năng lực về hành vi dân sự theo quy định của pháp luật, nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm và không trái đạo đức xã hội. Do đó, xác định đây là hợp đồng hợp pháp có hiệu lực thi hành đối với các bên và phù hợp với các quy định của Luật các tổ chức tín dụng và Bộ luật dân sự năm 2015.

Quá trình thực hiện các hợp đồng tín dụng nêu trên, Công ty H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán kể từ ngày 06/6/2022. Nay VPBank khởi kiện buộc Công ty H phải thanh toán cho VPBank số tiền còn nợ tính đến ngày 29/5/2023 cụ thể: Số nợ gốc: 7.616.132.037 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.740.905.373 đồng; Nợ lãi chậm trả: 90.539.813 đồng; Tổng nợ: 9.447.577.223 đồng.

Xét thấy việc thỏa thuận lãi trong hạn, lãi quá hạn, lãi chậm trả trong các hợp đồng tín dụng là đúng pháp luật và phù hợp với quy định của pháp luật và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, điểm b khoản 2 Điều 8 Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và hướng dẫn tại điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cũng như các quy định về lãi suất quy định tại Bộ luật dân sự năm 2015 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, việc VPBank khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty H phải thanh toán trả VPBank số tiền nợ trên là có căn cứ và được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của VPBank: Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán trả cho VPBank nợ gốc và nợ lãi thì VPBank có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án. Hội đồng xét xử thấy:

Các hợp đồng thế chấp được ký giữa VPBank với bên thứ ba là: Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3500/2016, quyền số 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 kèm theo Thỏa thuận ngày 23/11/2016. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3764/2020, quyền số 04-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2020, kèm theo Thỏa thuận ngày 03/10/2020. Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 3499/2016, quyền số 04-2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 kèm theo Thỏa thuận ngày 23/11/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 27/05/2019; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 5314/2020, quyền số 04-2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2020 kèm theo Thỏa thuận ngày 30/12/2020; Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số công chứng 577/2019, quyền số 01-2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/02/2019 kèm theo Thỏa thuận ngày 20/02/2019. Bên thứ ba đã thế chấp cho VPBank để đảm bảo cho khoản vay của Công ty H cụ thể:

Nội dung của các Hợp đồng thế chấp quy định:

“- Bên thế chấp cam đoan rằng tại thời điểm ký Hợp đồng thế chấp, tài sản thế chấp thuộc quyền sử dụng hợp pháp của riêng Bên thế chấp và được phép thế chấp theo quy định của pháp luật, không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp, khiếu kiện nào...

- Nghĩa vụ được bảo đảm và thời hạn thế chấp: Các tài sản nêu trên bảo đảm cho toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ tương lai bao gồm các nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính của bên vay đối với Bên Ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng được ký kết trước, trong và sau bao gồm các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, các khế ước nhận nợ và các văn bản liên quan của các văn bản tín dụng.

- Việc thế chấp tài sản nêu trên có hiệu lực cho đến khi Bên vay và Bên thế chấp thực hiện xong tất cả các nghĩa vụ được bảo đảm nêu trên đối với Bên ngân hàng. Bên thế chấp xác nhận đã hiểu rõ ràng các nghĩa vụ được bảo đảm, phạm vi bảo đảm, thời hạn bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp là rất rộng, phát sinh trong khoản thời gian không gian và đồng ý dùng tài sản của mình thế chấp để bảo đảm cho tất cả các nghĩa vụ nêu trên, cam kết không có bất kỳ khiếu nại, tranh chấp hay đưa ra bất kỳ lý do gì để từ chối nghĩa vụ của Bên thế chấp.”

Như vậy, việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và đã được bên thứ ba ký hợp đồng thế chấp và đã được xác nhận thế chấp vào ngày đăng ký giao dịch đảm bảo tại Cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật là Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Q. Việc bên thứ ba là các chủ tài sản ký hợp đồng thế chấp là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Bên thứ ba là các chủ tài sản dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty H theo các Hợp đồng tín dụng là phù hợp với quy định của pháp luật.

Bảo lãnh của bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HAB và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-HAB ngày 19/04/2018, Theo đó, bà U và anh Hải đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không huỷ ngang cho Công ty H trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty H đối với VPBank phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ, các văn bản tín dụng kèm theo ký giữa Công ty H và VPBank.

Xét, hình thức và nội dung của Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng bảo lãnh được các bên tự nguyện ký kết, đúng chủ thể và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Do đó, Hợp đồng thế chấp và Hợp đồng bảo lãnh trên có giá trị pháp lý và hiệu lực thi hành đối với các bên. VPBank đề nghị Tòa án tuyên được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản đảm bảo nêu trên, cũng như yêu cầu bà U và anh Hải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh của mình để thu hồi khoản nợ là có cơ sở nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;
- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 30; Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 127 Luật Đất đai 2003; Căn cứ Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về “Giao dịch bảo đảm”. Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Căn cứ Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm. Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng T.

- Buộc **Công ty Trách nhiệm hữu hạn H** phải trả cho Ngân hàng T tổng số tiền còn nợ theo các hợp đồng cho vay số 280322-3244924-01-SME ngày 29/03/2022 và các Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 300322-3244924-01-SME ngày 30/03/2022 và khế ước nhận nợ số: 310322-3244924-01-SME ngày 31/03/2022; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 310820-3244924-01-SME ngày 15/09/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và

các Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 090421-3244924-01-SME ngày 09/04/2021, Khế ước nhận nợ số: 010621-3244924-01-SME ngày 01/06/2021; khế ước nhận nợ số: 130721-3244924-01-SME ngày 13/07/2021; khế ước nhận nợ số: 150721-3244924-01-SME ngày 15/07/2021; khế ước nhận nợ số: 160721-3244924-01-SME ngày 16/07/2021; khế ước nhận nợ số: 200721-3244924-01-SME ngày 20/07/2021 và khế ước nhận nợ số: 210721-3244924-01-SME ngày 21/07/2021; Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 301020-3244924-01-SME ngày 03/11/2020, Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 05/10/2021 và Khế ước nhận nợ kèm theo là khế ước nhận nợ số: 070421-3244924-01-SME ngày 07/04/2021; Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm ngày 15/06/2018, tạm tính đến ngày 29 tháng 5 năm 2023 là: nợ gốc: 7.616.132.037 đồng; Nợ lãi gồm lãi trong hạn và lãi quá hạn: 1.740.905.373 đồng; Nợ lãi chậm trả: 90.539.813 đồng; Tổng nợ: 9.447.577.223 (*Chín tỷ, bốn trăm bốn mươi bảy triệu, năm trăm bảy mươi bảy ngàn, hai trăm hai mươi ba*) đồng.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn H còn phải tiếp tục chịu các khoản tiền lãi, lãi chậm trả phát sinh kể từ ngày 30/05/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho Ngân hàng T theo mức lãi suất thỏa thuận trong các Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng, phụ lục hợp đồng, Giấy đề nghị kiêm hợp đồng phát hành và sử dụng thẻ tín dụng quốc tế không có tài sản bảo đảm và các Khế ước nhận nợ đã ký kết.

2. Trường hợp Công ty Trách nhiệm hữu hạn H không trả được hoặc trả không đầy đủ khoản nợ cho Ngân hàng T thì Ngân hàng T có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự phát mại tài sản thế chấp là:

Tài sản 1: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 228, tờ bản đồ số 2, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số P739009, số vào sổ cấp GCN: 0021 QSDĐ/H, số HS do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 28/11/2003 đứng tên hộ ông Nguyễn Đình Thao thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3500/2016, quyền số 04 - 2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

Tài sản 2: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 156, tờ bản đồ số 10, xóm 2, xã Thạch Thán, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CX 953622, số vào sổ cấp GCN: CS-QO 08737 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 21/09/2020 đứng tên anh Nguyễn Tiến Hải thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3764/2020, quyền số 04 - 2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 03/10/2020. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

Tài sản 3: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, xã Phương Cách, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BC 603823, số vào sổ cấp GCN: CH 723 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 31/12/2010 đứng tên bà Nguyễn Thị Thảo thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 3499/2016, quyền số 04 - 2016 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 23/11/2016 và Phụ lục Hợp đồng số 01/PLHĐ ngày 27/05/2019. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

Tài sản 4: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 136, tờ bản đồ số 3, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 795881, số vào sổ cấp GCN: CH 01324 do UBND huyện Q, thành phố Hà Nội cấp ngày 14/5/2017 đứng tên bà Dương Cúc U thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 5314/2020, quyền số 04 - 2020 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 28/12/2020. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

Tài sản 5: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 05, xã P, huyện Q, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số P739177, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: 0163 QSDĐ/H do Ủy ban nhân dân huyện Q cấp ngày 28/11/2003 mang tên hộ ông Nguyễn Duy Phúc, ngày 14/01/2011, hộ ông Nguyễn Duy Phúc tặng cho toàn bộ thửa đất số 40, diện tích 139 m² thuộc tờ bản đồ số 05 tại xã P cho con trai là Nguyễn Duy Quang thế chấp tại VPBank theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 577/2019, quyền số 01 - 2019 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 18/02/2019. Tài sản bảo đảm được xử lý theo diện tích, kích thước thực tế tại thời điểm xử lý tài sản.

3. Bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn H theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL/VPBANK-HAB và Hợp đồng bảo lãnh số 02/HĐBL/VPBANK-HAB ngày 19/04/2018 đã ký giữa VPBank với bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, phạt, bồi thường thiệt hại và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H đối với VPBank phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng, Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng liên quan nêu trên.

Đồng thời Ngân hàng T có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền tiến hành xác minh, kê biên, phát mại tài sản thuộc quyền sở hữu/sử dụng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải để trả nợ cho Ngân hàng T theo các Hợp đồng bảo lãnh, Hợp đồng tín dụng,

Khế ước nhận nợ và các văn bản tín dụng khác đã ký giữa VPBank với Công ty Trách nhiệm hữu hạn H, bà Dương Cúc U và anh Nguyễn Tiến Hải.

4. Sau khi kê biên, xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ, nếu số tiền thu được từ việc bán tài sản bảo đảm trừ đi các khoản chi phí thu hồi, trông giữ, bán tài sản và các chi phí liên quan khác... Ngân hàng thu nợ còn thừa, Ngân hàng sẽ trả lại phần thừa cho chủ tài sản. Nếu Ngân hàng thu nợ còn thiếu thì Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải tiếp tục trả hết khoản nợ cho đến khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ đối với Ngân hàng T.

5. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo là: 01 ô tô tải tự đổ, nhãn hiệu HOKA, số khung LZZAEXSD0EC154835, số máy WD615.49*111217038117*, Biển kiểm soát 29H-173.53 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 536535 do Phòng Cảnh sát giao thông–Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 21/01/2019 mang tên Công ty H. Ngày 30/12/2020, Công ty H và VPBank ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 261220-3244924-02-SME/TC do nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện theo đơn đề ngày 06 tháng 4 năm 2023.

6. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

7. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty Trách nhiệm hữu hạn H phải chịu **117.447.577** đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng T không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng theo biên lai thu số 0000489 ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

8. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn, bị đơn và Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án ông Quang, ông Trọng có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày 29 tháng 5 năm 2023. Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm về những vấn đề liên quan trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền

thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long